

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa.

Bà Đỗ Thị Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2020/TLST- HNGĐ ngày 11/5/2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Đình H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư C, phường T, Tp. Ch, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng và giải quyết quan hệ nuôi con của anh Hào: Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 329 Tr, phường N, TP. H, tỉnh Hải Dương. (theo giấy ủy quyền lập ngày 22/2/2020) Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1992.

HKTT: Khu dân cư C, phường T, Tp. Ch, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Ngh (nay là thôn H), xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Đình Tr, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972.

Đều ở địa chỉ: Khu dân cư C, phường T, Thành phố. C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Trần Đình H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã C (nay là phường T, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 16/3/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, trong nuôi dạy con cái, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, cuộc sống căng thẳng nặng nề, chị Anh đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Kim A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Đình S, sinh ngày 22/12/2012 và Trần Thị Kim L, sinh ngày 30/6/2014. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Trần Đình Sơn; chị Kim A nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Kim L cho đến khi các con thành niên. Anh H xác định cháu Nguyễn Duy Ng, sinh ngày 03/10/2016 là con riêng của chị Kim A nên anh không có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang lao động tại Đài Loan nên đã ủy quyền cho bà Trần Thị V thay mặt anh giao nộp các tài liệu cho tòa án và quyết định các vấn đề có liên quan đến quyền nuôi con trong vụ án.

Ngoài ra, anh còn ủy quyền cho bố mẹ anh là ông Trần Đình Tr và bà Nguyễn Thị Th thay anh chăm sóc con chung trong thời gian anh không ở Việt Nam.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim A trình bày: Chị và anh Trần Đình H có quan hệ hôn nhân như anh H trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và trong cách giáo dục con cái. Anh H không có quan điểm lập trường sống mà một mực nghe theo bố mẹ. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2015 cho đến nay. Từ khi đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh H không liên lạc và không gửi tiền về cho chị nuôi con. Nay anh H đề nghị giải quyết ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Đình S, sinh ngày 22/12/2012 và Trần Thị Kim L, sinh ngày 30/6/2014, hiện các con đang ở với chị. Chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện nay chị đang làm tại công ty may Ever ở Khu công nghiệp N, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000đ. Chị và các con đang ở cùng với bố mẹ đẻ chị tại thôn H, xã A, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương.

Đối với cháu Nguyễn Duy Ngh, sinh ngày 03/10/2016 chị xác định là con riêng của chị và tự nguyện nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H phải có trách

nhệm và chị không đề nghị Tòa án giải quyết đối với con riêng của chị.

Ngoài ra, chị còn yêu cầu anh Trần Đình H có trách nhiệm cấp dưỡng cho con trong thời gian chị nuôi dưỡng cháu S và L một mình từ tháng 12/2015 đến khi giải quyết xong việc ly hôn, mức cấp dưỡng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, nợ chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì chị sẽ làm đơn đề nghị giải quyết trong vụ án khác

- *Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình Tr và bà Nguyễn Thị Th trình bày:* ông, bà vẫn giữ nguyên quan điểm nhận sự ủy quyền của anh Trần Đình H. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Kim A. Do điều kiện đi làm ăn xa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung: anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Sơn, còn cháu L để chị Kim A nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh Hào không có mặt tại Việt Nam đã ủy quyền cho ông, bà trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S. Ông, bà nhất trí nhận sự ủy quyền chăm sóc con chung cho anh H. Trường hợp, chị Kim A được nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh H không nhất trí cấp dưỡng. Nếu chị Kim A không nuôi được cả hai con thì anh H xin nuôi cả hai con và anh tự nguyện không yêu cầu chị Kim A phải cấp dưỡng cho con. Anh H cũng xác định cháu Nguyễn Duy Ngh là con riêng của chị Kim A nên nhất trí để chị Kim A nuôi dưỡng, anh không có trách nhiệm và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu cấp dưỡng trong thời gian chị Kim Anh nuôi dưỡng cháu Sơn, cháu L một mình kể từ tháng 12/2015 cho đến khi giải quyết xong việc ly hôn, anh H không nhất trí. Vì chị Kim A đã cam kết chăm sóc, cho ăn học và nuôi dưỡng hai cháu thật tốt cho đến khi hai vợ chồng ra Tòa án giải quyết ly hôn. Anh H tự nguyện chịu chi phí giám định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Trần Thị V nhất trí nhận sự ủy quyền của anh H trong việc giao nộp các văn bản tố tụng, tham gia phiên tòa trình bày quan điểm về việc nuôi con. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho anh H biết, anh Hào vẫn giữ nguyên quan điểm như anh đã trình bày. Tuy nhiên, tại đơn xin ly hôn và các tài liệu gửi kèm theo do anh H ủy quyền cho bà nộp tại Tòa án chưa được hợp pháp hóa lãnh sự. Do vậy, bà đề nghị Tòa trung cầu giám định đối với các tài liệu này để xác định các tài liệu này có phải là của anh Trần Đình H hay không. Chi phí giám định anh H tự nguyện chịu và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, đối với yêu cầu của chị Kim A về việc cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 12/2015 cho đến khi giải quyết xong việc ly hôn. Quan điểm của anh H không nhất trí và anh cũng xác định anh không cấp dưỡng cho chị Kim A nuôi hai con S và L trong thời gian qua vì chị Kim A đã cam kết chăm sóc, cho ăn học và nuôi dưỡng hai cháu thật tốt cho đến khi hai vợ chồng ra Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại Kết luận giám định số 05/KLGD-PC09 ngày 05/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Dấu vân tay in trong Đơn khởi kiện, 02 Giấy ủy quyền, bản tự khai, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Trần Đình H, sinh ngày 06/02/1991, nơi ĐKKHKT: Khu dân cư Cầu Q, phường T, Tp. C, tỉnh Hải Dương (mẫu cần giám định) so với dấu vân tay in trong Tờ khai CMND, Chỉ bản số: 142550888 mang tên: Trần Đình H, sinh ngày 06/02/1991, nơi ĐKKHKT: T, C, Hải Dương, lập ngày 21/4/2006 (mẫu so sánh) là của cùng một người.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị Kim A và các con chị đang sinh sống thể hiện: Căn cứ vào mức thu nhập bình quân của người lao động và tham khảo chi phí của các cháu đang học mầm non, tiểu học tại địa phương xác định: chi phí nuôi trẻ từ 0 - 6 tuổi (có đi học Mầm non) bình quân trên địa bàn xã là 1.500.000đ/1 cháu/1 tháng; đối với việc nuôi trẻ trong độ tuổi học tiểu học bình quân trên địa bàn xã là 2.000.000đ/1 cháu/1 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đình H được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim A. Về con chung: Giao con chung Trần Đình S, sinh ngày 22/12/2012 và Trần Thị Kim L, sinh ngày 30/6/2014 cho chị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên. Buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng/02 người con. Không chấp nhận yêu cầu của chị Kim A về việc yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con từ tháng 12/2015 đến khi giải quyết xong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Đình H có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở Khu dân cư C, phường T thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện anh H đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Mặc dù, anh Hào không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng anh đã gửi các tài liệu gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay trong các tài liệu này và có kết luận giám định dấu vân tay trong các tài liệu do anh H gửi về và dấu vân tay trong tài liệu mẫu so sánh là của cùng một người. Do vậy khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng xin ly hôn của anh H. Quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị Kim A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại phường T thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/3/2012, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và trong nuôi dạy con cái. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2015 cho đến nay. Năm 2016, anh Hào xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không liên lạc và cũng không gửi tiền về cho chị nuôi con. Nay anh H làm đơn khởi kiện về việc ly hôn, chị Kim A cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ lâu. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Trần Đình H ly hôn chị Nguyễn Thị Kim A là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị Kim A thống nhất xác định có hai chung là Trần Đình S, sinh ngày 22/12/2012 và Trần Thị Kim L, sinh ngày 30/6/2014. Xét thấy con chung Trần Đình S có nguyện vọng ở với chị Kim A, con chung Trần Thị Kim L hiện vẫn còn nhỏ và các con đang ở với chị Kim A. Anh H đang ở nước ngoài, không có mặt ở Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. HĐXX chấp nhận giao con chung Trần Đình S và Trần Thị Kim L cho chị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Buộc anh Trần Đình H có trách nhiệm cấp dưỡng cho con với số tiền 2.000.000đ/2 người con/tháng, tính từ tháng 10/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành. Như vậy là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con riêng: Đối với con Nguyễn Duy Ngh, sinh ngày 03/10/2016, anh Hào và chị Kim A cùng thống nhất xác định là con riêng của chị Kim A nên chị có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con riêng.

[5]. Về việc cấp dưỡng đối với con chung là Trần Đình S và Trần Thị Kim L từ tháng 12/2015 cho đến hết tháng 9/2020: Anh H và chị Kim A cùng xác định chị Kim A là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con S và L kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh H cho rằng chị Kim A có bản cam kết với nội dung tự chăm sóc, cho ăn học và nuôi dưỡng hai con thật tốt cho đến khi hai vợ chồng ra Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, anh không nhất trí cấp dưỡng cho con trong thời gian anh không trực tiếp nuôi con. HĐXX xét thấy. Theo quy định tại Điều 69, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; Cha mẹ, không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong thực tế một

mình chị Kim A chăm sóc các con có khó khăn, yêu cầu cấp dưỡng cho con của là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị Kim A. Theo biên bản xác minh tại địa phương thì chi phí để nuôi trẻ sinh sống và ăn học trên địa bàn xã khoảng 1.500.000đ đến 2.000.000đ/ tháng/ người. Do vậy cần buộc anh H phải trả chị Kim A tiền cấp dưỡng cho con tính trung bình là 1.000.000đ/1 con chung/tháng, tính từ tháng 12/2015 cho đến khi xét xử sơ thẩm tháng 9/2020, cụ thể 1.000.000đ x 02 người con x 57 tháng = 114.000.000đ.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị Kim A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì có quyền làm đơn đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh Trần Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Trần Đình H** được ly hôn chị **Nguyễn Thị Kim A**.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Kim A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Trần Đình S, sinh ngày 22/12/2012 và Trần Thị Kim L, sinh ngày 30/6/2014 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Không ai được cản trở anh Trần Đình H thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Buộc anh Trần Đình H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho con chung là Trần Đình S, Trần Thị Kim L với số tiền là 2.000.000đ/ 02 người con/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Buộc anh Trần Đình H phải có nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Trần Đình S, Trần Thị Kim L cho chị Nguyễn Thị Kim A từ tháng 12/2015 đến hết tháng 9/2020 là: 1.000.000 đồng x 02 người con x 57 tháng = 114.000.000đ (Một trăm mười bốn triệu đồng).

Kể từ khi chị Kim A có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu anh H chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền

chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về con riêng: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị Kim A thống nhất xác định cháu Nguyễn Duy Ng, sinh ngày 03/10/2016 là con riêng của chị Nguyễn Thị Kim A. Chị Nguyễn Thị Kim A có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con riêng.

4. Về án phí: Anh Trần Đình H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự (về Hôn nhân gia đình) sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002149 ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Anh Trần Đình H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Đình H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Kim A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS, Tòa, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**